

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HC-PT
Ngày 02 tháng 3 năm 2020

V/v khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 16/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V; địa chỉ:, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Bà Trần Thị Kiều T, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt);
2. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1984; địa chỉ: Hà Nội (có mặt);
3. Ông Trần Chí N, sinh năm 1978; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt);
4. Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1974, địa chỉ: Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

(Các ông Đinh Văn T, Nguyễn Mạnh C, Trần Chí N, Bùi Đức Q được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 015/2019/UQ-V ngày 07/01/2019 của Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Văn M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 480/UQ-UBND ngày 23/01/2019; có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Quang V, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt);

2. Ông Hồ Quốc T, Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Trần Văn M, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 480/UQ-UBND ngày 23/01/2019; có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

+ Ông Nguyễn Quang V, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt);

+ Ông Châu Thanh V, Phó Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Cục thuế thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục thuế thành phố Đà Nẵng: Ông Phan Xuân Q, Trưởng phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 3165 /VQ-UBND ngày 04/9/2019; có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (Là người bị kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Công ty V trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây viết tắt là Công ty V) tham gia đấu giá khu đất có ký hiệu X mặt tiền đường V, phường A, quận S thành phố Đà Nẵng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng tổ chức và trở thành đơn vị trúng đấu giá.

Ngày 28/7/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 4105/QĐ-UBND công nhận kết quả đấu giá đối với khu đất nêu trên với nội dung: Công nhận Công ty cổ phần V đã trúng đấu giá khu đất ký hiệu X, diện tích 11.487 m², vị trí mặt tiền đường V, đường N, đường L và đường quy hoạch 15 m MC(6-15-6), phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là: Quyết định số 4105/QĐ-UBND và khu đất X đường V). Trong đó, phần diện tích đất ở có thời hạn 50 năm là 7.658 m² và phần diện tích đất thuê là 3.829 m² theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê thời hạn 50 năm, mục đích sử dụng đất thương mại dịch vụ, giá trúng đấu giá bình quân toàn khu đất là 56.800.000 đồng/m².

Ngày 21/9/2017, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 3224/TB-CT về việc nộp tiền thuê đất, Thông báo số 5548/TB-CT về việc nộp tiền sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ. Theo đó, Công ty V phải nộp vào ngân sách thành phố là 652.461.600.000 đồng; chia làm 02 đợt, mỗi đợt 50% (Đợt 1 vào ngày 20/10/2017 và Đợt 2 vào ngày 19/12/2017); quá thời hạn nêu trên, mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế. Tuy nhiên, đến ngày 12/10/2017, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng lại ban hành Thông báo số 3545/TB-CT về việc điều chỉnh nội dung Thông báo số 5548/TB-CT ngày 21/9/2017, trong đó đáng chú ý có nội dung: *“Quá thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế mà người nộp tiền sử dụng đất không nộp đủ tiền vào ngân sách nhà nước... thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố theo quy định tại quyết định 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng”*.

Thực hiện thông báo của Cục Thuế, Công ty V đã nộp tiền theo quy định: Đợt 1, ngày 20/10/2017 nộp số tiền 326.730.800.000 đồng (đúng ngày); đợt 2, ngày 09/02/2018 nộp số tiền 326.230.800.000 đồng (trễ 52 ngày so với Thông báo của cơ quan thuế). Tổng số tiền Công ty V đã nộp đầy đủ cho ngân sách thành phố là 652.461.600.000 đồng và 5.089.200.480 đồng tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc nộp tiền trễ đợt 2 đã được Công ty V gửi đơn xin gia hạn nộp tiền đến UBND thành phố Đà Nẵng vào ngày 22/11/2017. Ngày 19/12/2017, UBND thành phố có Công văn số 10270/UBND-KT trả lời cho Công ty V và thông báo sẽ xin ý kiến Bộ Tài chính về vấn đề này. Đến ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính có Văn bản số 1712/BTC-TCT trả lời cho UBND thành phố Đà Nẵng đã hướng dẫn: Trường hợp nộp chậm so với thời hạn quy định tại thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Mặc dù ngay trong ngày 09/02/2018, Công ty V đã nộp đầy đủ số tiền trúng đấu giá theo Thông báo của cơ quan thuế và tiền chậm nộp 52 ngày theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, tuy nhiên đến ngày 16/11/2018 UBND thành phố Đà Nẵng lại ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND về việc công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất X đường V (sau đây viết tắt là Quyết định số 5443/QĐ-UBND).

Công ty V nhận thấy việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND là trái pháp luật, gây thiệt hại đến tài sản, quyền và lợi ích chính

đáng của Công ty V, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Quyết định số 5443/QĐ-UBND trái với quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Điều 72 Luật Đấu giá tài sản (là pháp luật chuyên ngành về bán đấu giá tài sản) quy định về các trường hợp phải hủy kết quả đấu giá nhưng không bao gồm trường hợp hủy vì lý do người trúng đấu giá chậm trả hoặc không trả đủ tiền trúng đấu giá. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng đã không áp dụng căn cứ pháp luật chuyên ngành nêu trên mà lại căn cứ vào điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (là văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn Luật) để hủy kết quả bán đấu giá là vi phạm nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hai là, Quyết định số 5443/QĐ-UBND căn cứ vào các văn bản đã hết hiệu lực hoặc trái với quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

- UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 5443/QĐ-UBND về việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 là không đúng đối tượng áp dụng;

- UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ vào Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng là văn bản hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017 (được nêu rõ trong Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất do UBND ban hành hết hiệu lực thi hành), trước thời điểm Công ty V chính thức được công nhận trúng đấu giá để làm căn cứ xử lý vụ việc theo Thông báo số 3545/TB-CT ngày 21/9/2017 nhằm hủy kết quả đấu giá tài sản là vi phạm quy định của pháp luật.

- UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND là trái với quy định của Điều 72 Luật Đấu giá tài sản; đồng thời, mâu thuẫn với quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất và khoản 4 Điều 24 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Việc Công ty V chậm nộp tiền trúng đấu giá 52 ngày của đợt 2 thuộc trường hợp phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế được quy định rõ tại điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất: “*Người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất theo thông báo thì phải nộp tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về Quản lý Thuế*”; điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Ba là, việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND không căn cứ vào các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của các cơ quan ở Trung ương cũng như đã bỏ qua ý kiến tham mưu của các sở, ngành của thành phố.

Các cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục sau khi đấu giá thành cho Công ty V đều thống nhất quan điểm về việc không có căn cứ để hủy kết quả đấu giá như: Bộ Tài chính có văn bản số 1712/BTC-TCT ngày 09/2/2018; Tổng Cục Quản lý đất đai có Văn bản số 1466/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 17/8/2018; Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng có văn bản số 1116/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/4/2018. Văn bản của các cơ quan này đều đề xuất với UBND thành phố Đà Nẵng là không có cơ sở để hủy kết quả trúng đấu giá của Công ty V.

Bốn là, việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND vi phạm thời hạn về hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính: *“Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đình chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định”*. Trong khi đó, Quyết định công nhận kết quả đấu giá số 4105/QĐ-UBND của thành phố Đà Nẵng được ban hành ngày 28/7/2017, đến khi ban hành quyết định hủy kết quả đấu giá là ngày 16/11/2018, tức là đã quá thời hạn 01 năm theo luật định.

Năm là, việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND để hủy kết quả trúng đấu giá của Công ty V còn gây thiệt hại nghiêm trọng đến uy tín và quyền lợi tài chính của Công ty.

Công ty V đánh giá Đà Nẵng là địa phương đi đầu cả nước trong việc thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp với những chính sách tiên phong như minh bạch, thủ tục hành chính nhanh gọn tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư. Chính vì vậy, Công ty V đã mạnh dạn đầu tư vào Đà Nẵng thông qua dự án đấu giá tài sản một cách công khai, minh bạch. Chỉ cần nhìn vào mức giá khởi điểm và mức giá Công ty V trúng đấu giá (gần gấp đôi giá khởi điểm) là đủ biết được quyết tâm và tính cạnh tranh lớn lao của Công ty khi đầu tư vào dự án. Công ty V đã nỗ lực, huy động tất cả các nguồn lực để có thể thu xếp đủ số tiền rất lớn nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Không những thế, sau khi hoàn tất nghĩa vụ nộp tiền cho ngân sách, Công ty V đã phải chủ động để chuẩn bị và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án như: Thỏa thuận xong với Cục tác chiến về độ tinh không; hoàn thành thiết kế dự án; đàm phán hoàn tất với nhà thầu thi công C. Thời gian và chi phí để hoàn tất các thủ tục phù hợp với dự án này là tương đối lớn; phần lớn nguồn tiền nộp ngân sách là tiền vay từ ngân hàng, từ khi giải ngân để nộp cho thành phố Đà Nẵng đến nay đã 9 tháng, tổng tiền lãi phải trả đã lên đến con số khoảng 50 tỷ đồng. Việc hủy kết quả đấu giá còn đẩy Công ty V lâm vào tình trạng khánh kiệt, Công ty đang phải nợ lương nhân viên suốt 03 tháng qua và đối diện nguy cơ phá sản. Tổng con số thiệt hại mà Công ty V đã, đang và sẽ phải gánh chịu là quá lớn chưa thể thống kê hết.

Vì vậy, Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy toàn bộ Quyết định số

5443/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất X mặt tiền đường V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng”.

Ngày 25/02/2019, Công ty V bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu UBND thành phố Đà Nẵng bồi thường thiệt hại số tiền 115.286.337.381 đồng. Trong đó bao gồm: (1) Thiệt hại trên số tiền đã nộp cho ngân sách nhà nước tính theo mức lãi suất tiết kiệm là 34.623.597.381 đồng tạm tính đến ngày 18/02/2019 và tiếp tục phải bồi thường thiệt hại về số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/02/2019 cho đến khi hoàn tất thủ tục giao đất cho Công ty V; (2) Thiệt hại do phải bồi thường cho đối tác Indoba số tiền là 80.662.740.000 đồng. Ngày 05/9/2019, Công ty V có đơn xin rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại nêu trên.

2. Ý kiến của người bị kiện và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị kiện:

2.1. Người đại diện hợp pháp của UBND thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:

- Về quá trình tham gia đấu giá và nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Công ty V:

Ngày 07/3/2016, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất X đường V. Theo đó, tại phần 3 Mục III Phương án đấu giá quyền sử dụng đất này thể hiện: *"Nộp tiền trúng đấu giá: Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế. Quá thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan Thuế), tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố"*. Trên cơ sở đó, ngày 24/01/2017 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 613/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá khu đất X đường V, với đơn giá: 36.000.000 đ/m².

Ngày 23/5/2017, Hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất số 40/2017/HĐ-BĐG đối với khu đất nêu trên đã được ký kết giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố. Theo đó, tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng có quy định: *"Đối tượng trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế, cụ thể: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan Thuế, đối tượng trúng đấu giá phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp. Trong vòng 60 ngày tiếp theo phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại. Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế... đối tượng trúng đấu giá không nộp tiền sử dụng đất theo quy định thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố"*. Ngày 27/3/2017, ông Đặng Quốc Việt đại diện cho Công ty V đã nộp Phiếu đăng ký đấu giá khu đất nêu trên cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, trong đó đại diện Công ty có cam kết thực hiện đúng nội dung tại phần 3 Mục III

Phương án đấu giá và điểm a khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngày 27/6/2017, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá đã tổ chức phiên đấu giá đối với khu đất nêu trên và lập Biên bản đấu giá tài sản theo đúng quy định. Tại Biên bản này có 05 cá nhân, tổ chức tham gia đấu giá đều ký vào Biên bản; tại Phần 3 Mục II của Biên bản này thể hiện: *“Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế (kể cả đợt nộp tiền đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan Thuế), người trúng đấu giá không nộp tiền sử dụng đất theo quy định thì hủy kết quả đấu giá và thu tiền đặt cọc nộp ngân sách thành phố”*.

Trên cơ sở kết quả đấu giá nêu trên, ngày 28/7/2017 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4105/QĐ-UBND công nhận kết quả đấu giá đối với khu đất X đường V. Đơn vị trúng đấu giá là Công ty V với đơn giá 56.800.000 đồng/m². Theo đó, tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định có quy định trách nhiệm của Công ty là nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước theo đúng thời hạn tại thông báo do cơ quan Thuế ban hành.

Ngày 21/9/2017, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 3224/TB-CT về việc nộp tiền thuê đất và Thông báo số 5548/TB-CT về việc thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất. Theo đó, tổng số tiền phải nộp cho khu đất trên là 652.461.600.000 đồng và 500.000.000 đồng tiền lệ phí trước bạ.

Tiếp đó, ngày 12/10/2017 Cục Thuế thành phố có Thông báo số 3545/TB-CT về việc điều chỉnh nội dung Thông báo số 5548/TB-CT, cụ thể: *“Thời hạn nộp tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan Thuế (đến ngày 20/10/2017), người sử dụng đất phải nộp 50% số tiền sử dụng đất theo Thông báo. Trong vòng 60 ngày tiếp theo (đến ngày 19/12/2017), người sử dụng đất phải nộp 50% số tiền sử dụng đất còn lại. Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế mà người sử dụng đất không nộp đủ tiền sử dụng đất vào Ngân sách nhà nước... thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng”*.

Thực tế, Công ty V đã không thực hiện đúng Thông báo số 3545/TB-CT nêu trên khi chỉ nộp 50% số tiền sử dụng đất và tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn (ngày 20/10/2017); số tiền còn lại Công ty có đơn xin gia hạn chậm nộp trong vòng 90 ngày tại Công văn số 2211/2017/VPC-CV ngày 22/11/2017 gửi Cục Thuế thành phố.

Trên cơ sở đề nghị của Công ty V, ngày 30/11/2017 Cục Thuế thành phố đã có Công văn số 4663/CT-QLĐ nêu rõ Công ty phải thực hiện nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất còn lại 50% trong vòng 60 ngày tiếp theo (ngày 19/12/2017), trường hợp Công ty không nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo đúng thời hạn ghi trên Thông báo của Cục Thuế thì sẽ hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền đặt cọc nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Như vậy, Công ty V báo cáo xin gia hạn nhưng không được Cục Thuế và

UBND thành phố thống nhất và ngày 09/02/2018 Công ty V lại tiếp tục nộp đủ số tiền sử dụng đất và tiền thuê đất còn lại vào ngân sách nhà nước qua tài khoản của Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng là chậm 52 ngày so với thời hạn quy định.

- Quá trình xử lý vụ việc của UBND thành phố và Báo cáo của Kiểm toán nhà nước về vụ việc này:

Với tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, trong quá trình giải quyết vụ việc, UBND thành phố đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận cũng như báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính, Thường trực HĐND Thành phố, Thường trực Thành ủy.

Cũng trong thời gian này, Kiểm toán nhà nước Khu vực III đã tiến hành kiểm toán ngân sách năm 2017 của thành phố Đà Nẵng và đã có ý kiến về vụ việc này. Đến ngày 04/9/2018, Tổng Kiểm toán nhà nước đã ban hành văn bản số 425/KTNN-TH về việc gửi Báo cáo kiểm toán cho HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng. Theo đó, Kiểm toán nhà nước cho rằng: “*Công ty đã trúng đấu giá khu đất ký hiệu X,... Công ty chậm nộp 326.230,8 triệu đồng tiền sử dụng đất, thuê đất qua đấu giá 52 ngày so với thông báo của cơ quan Thuế nhưng thành phố chưa hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền đặt cọc nộp ngân sách thành phố theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND, Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND TP Đà Nẵng và tại Điểm d, Khoản 5, Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai*”. Theo Phụ biểu số 03/BCKT-TNĐ, Kiểm toán nhà nước cũng kết luận với nội dung tương tự như trên.

Nếu theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản: “*Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức*” thì phương án đấu giá đối với khu đất nêu trên được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND; Hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất số 40/2017/HĐ-BĐG quy định: “*Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá QSDĐ có trách nhiệm nộp tiền đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế. Quá thời hạn thông báo của cơ quan thuế..., tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố*”. Quy định này đã được niêm yết thông báo công khai cho người tham gia đấu giá biết (tại Điều 7 Hợp đồng đấu giá nêu trên quy định: Bên A yêu cầu Bên B niêm yết, thông báo bán đấu giá tài sản đúng quy định và thông tin đầy đủ về tài sản bán đấu giá theo hợp đồng). Do đó, đây là thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản

năm 2016 thì thời hạn thanh toán của người trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá thành công đã được quy định tại Phương án đấu giá và Hợp đồng đấu giá nên người trúng đấu giá không nộp tiền sử dụng đất theo thỏa thuận thì thuộc trường hợp hủy kết quả đấu giá và thu tiền đặt cọc nộp vào ngân sách thành phố.

Ngày 05/10/2018, UBND thành phố Đà Nẵng đã tổ chức cuộc họp với các sở, ban, ngành có liên quan về việc chậm nộp tiền đấu giá quyền sử dụng đất của Công ty V theo phản ánh của Cục Quản lý Xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật Bộ Tư pháp tại Công văn số 532/QLXLVPHC&TDTHPL-THPL ngày 01/10/2018. Tại cuộc họp này, sau khi thảo luận, trên cơ sở kết luận của Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo UBND thành phố và đại diện các sở, ban, ngành đã thống nhất hủy kết quả đấu giá và thu tiền đặt cọc nộp vào ngân sách nhà nước đối với khu đất nêu trên và trả lại tiền sử dụng đất cùng tiền thuê đất đã nộp cho Công ty V.

Liên quan đến vụ việc này, UBND thành phố đã ban hành Công văn số 7899/UBND-STP ngày 15/10/2018 phúc đáp Công văn số 532/QLXLVPHC &TDTHPL -THPL ngày 01/10/2018 của Bộ Tư pháp.

Ngày 24/10/2018, UBND thành phố nhận được Công văn số 10269/VPVP-ĐMDN ngày 23/10/2018 của Văn phòng Chính phủ về kiến nghị của ông Trần Chí N - Công ty V và ngày 26/10/2018 UBND thành phố nhận được Công văn số 73/CV-UBTP của Công ty V về việc đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đề nghị UBND thành phố tạm thời chưa ban hành quyết định hủy kết quả đấu giá để chờ báo cáo xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 16/11/2018, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND về việc Hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng khu đất X đường V đối với Công ty V do không thực hiện đúng cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Phương án đấu giá tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng và Quy chế bán đấu giá; đồng thời thu tiền đặt cọc nộp vào ngân sách thành phố theo quy định.

Như vậy, việc hủy bỏ kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp của Công ty V là phù hợp với quy định của UBND thành phố về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố; do đó, không thống nhất với nội dung yêu cầu của Công ty V về việc hủy Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

2.2. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục Thuế thành phố Đà Nẵng trình bày:

Căn cứ hồ sơ kèm theo Phiếu chuyển thông tin địa chính số 6532/PC-VPĐKĐĐ ngày 15/9/2017 của Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đà Nẵng để xác định nghĩa vụ tài chính và Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả đấu giá đối với khu đất X đường V đối với Công ty V, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành: Thông

báo số 3224/TB-CT ngày 21/9/2017 về nộp tiền thuê đất; Thông báo số 5548/TB-CT ngày 21/9/2017 về nộp tiền sử dụng đất; Thông báo số 3546/TB-CT ngày 12/10/2017 về điều chỉnh nội dung Thông báo số 3224/TB-CT ngày 21/9/2017; Thông báo số 3545/TB-CT ngày 12/10/2017 về điều chỉnh nội dung Thông báo số 5548/TB-CT ngày 21/9/2017. Tại các Thông báo của cơ quan thuế đã nêu rõ thời hạn phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trúng đấu giá; quá thời hạn theo thông báo của cơ quan thuế, nếu đơn vị không nộp đủ số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp vào ngân sách nhà nước thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố. Tuy nhiên, Công ty V đã nộp tiền trúng đấu giá vào ngân sách nhà nước không đúng thời hạn quy định tại các Thông báo nêu trên.

Ngày 22/11/2017, Công ty V có Công văn số 2211/2017/VPC-CV về việc đề nghị gia hạn nộp tiền sử dụng đất. Cục Thuế thành phố đã có Công văn số 4663/CT-QLĐ ngày 30/11/2017 nêu rõ: Công ty phải nộp đủ số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn quy định tại các Thông báo của cơ quan Thuế. Trường hợp Công ty không nộp đủ số tiền trúng đấu giá vào ngân sách nhà nước thì sẽ bị hủy kết quả đấu giá, thu hồi tiền cọc nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Tiếp đó, ngày 22/12/2017 Công ty V có Công văn số 2212/2017/VPC-CV về việc gia hạn nộp tiền sử dụng đất; Cục Thuế thành phố có Công văn số 05/CT-QLĐ ngày 02/01/2018 nêu rõ việc Công ty đề nghị gia hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất qua đấu giá không thuộc thẩm quyền của cơ quan Thuế.

Ngày 13/8/2018, Tổng cục Thuế có Công văn số 3111/TCT-QLN về việc báo cáo giải trình gửi Cục Thuế thành phố; ngày 16/8/2018, Cục Thuế đã có Công văn số 3255/CT-QLĐ báo cáo giải trình một số nội dung liên quan đến trúng đấu giá quyền sử dụng đất của Công ty V.

Ngày 16/11/2018, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Quyết định số 5443/QĐ-UBND nêu trên và Thông báo số 75/TB- TTPTQĐ ngày 19/11/2018 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng về việc liên hệ làm thủ tục nhận lại tiền đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất X đường V, Cục Thuế thành phố đã ban hành các Công văn số 4595/CT-QLĐ ngày 24/11/2018 (lần 1), Công văn số 01/CT-QLĐ ngày 12/01/2019 (lần 2) hướng dẫn và đề nghị Công ty V lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước.

Ngày 17/01/2019, Công ty V có Công văn số 170118/CV-VPC/ CTTPĐN gửi Cục Thuế thành phố thông báo Công ty đã tiến hành khởi kiện, đề nghị cơ quan thuế đợi kết quả giải quyết vụ án và thực hiện theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án.

Như vậy, việc cơ quan thuế căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trúng đấu giá theo đúng trình tự, quy định của pháp luật thuế hiện hành đã nêu rõ thời hạn nộp, quá

thời hạn thi hủy kết quả trúng đấu giá. Việc Công ty V tự ý nộp tiền vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo của cơ quan thuế thuộc về trách nhiệm của đơn vị.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 173, 193, 204 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 55, 56 Luật Đất đai; Điều 1 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 26 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty V về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”, tuyên:

Hủy toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật: Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất Khu đất X mặt tiền đường V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cho Công ty V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo:

Ngày 14/10/2019, người bị kiện là UBND thành phố Đà Nẵng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty V với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng quy định của pháp luật; chưa xem xét toàn diện, khách quan vụ án. Cụ thể là Công ty V chậm nộp 50% số tiền đợt 2 theo Thông báo của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng 52 ngày, không thực hiện đúng cam kết tại Phiếu đăng ký đấu giá, Phương án đấu giá, Quy chế của cuộc đấu giá, Biên bản bán đấu

giá tài sản. Vì vậy, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy kết quả trúng đấu giá là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (chỉ điều chỉnh và áp dụng cho một chủ thể duy nhất đó là người trúng đấu giá), Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP, kết luận tại Báo cáo của Kiểm toán nhà nước, Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 18 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (chỉ điều chỉnh và áp dụng cho các chủ thể nộp tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất), Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 76/2014/TT-BTC, Thông tư số 77/2014/TTBTC của Bộ Tài chính và cho rằng Công ty V nộp tiền chậm không thuộc một trong các trường hợp hủy kết quả đấu giá tài sản quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản để quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VIPICPO là trái pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Đà Nẵng là Luật sư Hồ Quốc T có gửi cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và các Thành viên Hội đồng xét xử “Đơn trình bày” đề ngày 23/12/2019, bản “Luận cứ” đề ngày 02/3/2020 với nội dung đưa ra nhiều căn cứ, lập luận để chứng minh yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ; đồng thời, chứng minh việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là đúng pháp luật, đúng kết luận tại Báo cáo kiểm toán nhà nước, vì nếu không hủy sẽ gây thất thoát tài sản cho Nhà nước hàng nghìn tỷ đồng; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng các quy định của pháp luật, cố ý ra bản án trái pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác toàn bộ đơn khởi kiện hoặc không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty V.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên đơn khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Luật sư Hồ Quốc T trình bày bản Luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo UBND thành phố Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị kiện là ông Nguyễn Quang V và ông Châu Thanh V phát biểu ý kiến nhất trí với nội dung bản luận cứ của Luật sư Hồ Quốc T; đồng thời xác định: Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng có giá trị thi hành từ thời điểm ban hành đến khi có Văn bản hủy bỏ mới hết giá trị pháp lý. Nội dung cam kết: *"Nếu quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế*

mà không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định thì bị hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền đặt trước nộp ngân sách thành phố” là căn cứ vào khoản 5 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP có nội dung điều chỉnh riêng đối với đối tượng người trúng đấu giá, còn các Nghị định khác quy định về nộp tiền sử dụng đất nói chung. Việc Công ty V không nộp đủ tiền đúng thời hạn còn vi phạm điều kiện về năng lực tài chính và Báo cáo kiểm toán của nhà nước có giá trị bắt buộc phải thi hành. Do đó, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty V trình bày ý kiến khẳng định kháng cáo của người bị kiện và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không có cơ sở, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều đã văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung, Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành để hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất là không có căn cứ bởi vì:

Theo quy định Điều 72 Luật Đấu giá tài sản 2016 thì trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính không phải là căn cứ để hủy kết quả bán đấu giá. Cụ thể, không theo sự thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Trong trường hợp cụ thể này, UBND thành phố Đà Nẵng cũng không chứng minh được thiệt hại do hành vi chậm nộp thuế của Công ty V gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước như thế nào; ngược lại, trong đơn khởi kiện Công ty có nêu rõ đã đấu giá với giá cao hơn rất nhiều các đơn vị khác và cao hơn giá sàn mà UBND thành phố đưa ra, như vậy đã làm lợi cho ngân sách địa phương tại thời điểm đó trên 200 tỷ đồng. Đây là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ lợi ích cho Công ty V.

Thiện chí của Công ty V còn thể hiện rút một số yêu cầu khởi kiện ban đầu trên 115 tỷ đồng là tiền lãi suất tính đến tháng 02/2019 và tiền bồi thường cho các

đối tác... Ngoài những nội dung trên, ngày 22/11/2017 Công ty V đã có đơn gửi UBND thành phố Đà Nẵng xin giãn thời gian nộp thuế lần 2; ngày 10/12/2017, UBND thành phố có công văn trả lời sẽ xin ý kiến của Bộ Tài chính về việc gia hạn; ngày 06/01/2018 UBND thành phố có báo cáo Bộ Tài chính thì ngày 09/2/2018 Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn nêu: “*Trường hợp chậm nộp thuế của Công ty V tại thông báo thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế*”; ngày 17/8/2018, Tổng cục Quản lý đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng có văn bản gửi UBND thành phố Đà Nẵng nêu rõ: “*Trường hợp Cty V đã trúng thầu và đã hoàn thành nghĩa vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trình UBND thành phố cấp giấy CNQSD đất, ký hợp đồng thuê đất, tổ chức giao đất trên thực địa và trao giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 68 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ*”. Như vậy có thể thấy rằng, trong thời gian chờ xử lý việc giải quyết việc chậm nộp thuế của Công ty V thì cả hai bên đều rất thiện chí nhằm tháo gỡ vướng mắc xin ý kiến các bộ, ngành chứ phía Công ty V không hề bỏ mặc, thể hiện thiện chí muốn sớm được giao đất để thực hiện dự án đầu tư. Qua đó cũng thấy rằng, việc UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ khoản 5 Điều 68 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP để ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND về việc công nhận kết quả bán đấu giá là không đúng, trái với văn bản hướng dẫn của Tổng cục Quản lý đất đai như đã nêu trên.

Ngoài ra trong áp dụng pháp luật, UBND thành phố Đà Nẵng đã có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật giữa Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP cùng ngày 15/5/2014 về việc hướng dẫn áp dụng Luật Đất đai 2013, đó là: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (Điều 68) mà UBND thành phố Đà Nẵng vận dụng để hủy kết quả trúng đấu giá của Công ty V chỉ điều chỉnh về trình tự giao đất, cho thuê đất... trong trường hợp bán đấu giá tài sản, còn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP mới quy định cụ thể về việc nộp tiền sử dụng đất nói chung, trong đó có cả việc bán đấu giá tài sản.

Về bản chất, đây là vụ việc giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo Điều 74 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Công ty V tham gia cuộc đấu giá đúng trình tự, quy định của pháp luật và là người trúng đấu giá. Do vậy, pháp luật được áp dụng phải là Luật đấu giá tài sản. Mặt khác, Luật Đất đai năm 2013 không có điều luật quy định các trường hợp thu hồi, hay hủy quyết định bán đấu giá tài sản trong trường hợp này.

Về thực hiện nghĩa vụ tài chính, ngày 21/9/2017 Cục Thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo về việc nộp tiền sử dụng đất quy định hạn nộp 2 đợt là ngày 20/10/2017 và ngày 19/12/2017 thì Công ty phải nộp đủ, nếu nộp chậm thì phải xử lý chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế; Công ty V đã thực hiện nộp 50% số tiền đợt 1 đúng hạn. Đến ngày 12/10/2017, Cục Thuế thành phố ban hành Thông báo số 3545/TB-CT về việc điều chỉnh nội dung Thông báo số 5548/TB-CT ngày 21/9/2017 về việc nếu nộp chậm tiền sử dụng đất thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng thì

thấy đây không phải là cam kết trước khi bán đấu giá mà có sau khi đã thực hiện xong việc đấu giá tài sản nên không được coi là thỏa thuận giữa hai bên.

Đối với số tiền 50% phải nộp đợt 2, Công ty V nộp chậm 52 ngày, nhưng UBND thành phố không thực hiện ngay việc hủy bỏ kết quả bán đấu giá như cam kết mà đã chấp nhận phần nộp chậm của Công ty và phần tiền phạt (trên 5 tỷ đồng) như đã quy định tại Thông báo số 5548 nêu trên. Thấy rằng Công ty V đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính, tức là hoàn tất trước ngày UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND và lỗi này là của UBND thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây không những không phải là căn cứ để hủy kết quả bán đấu giá đã công nhận, mà còn trái với phương châm tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư phát triển tại thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, qua tranh luận tại phiên tòa còn thể hiện UBND thành phố Đà Nẵng còn có lúng túng trong việc Công ty V xin gia hạn nộp tiền đợt 2 là một mặt yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng cam kết, nhưng một mặt lại nêu vấn đề của doanh nghiệp UBND thành phố sẽ xin ý kiến của các cơ quan Trung ương và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, thể hiện sự không nhất quán của UBND thành phố Đà Nẵng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất trình bày: Việc thực hiện các trình tự, thủ tục đấu giá và ban hành Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng “*Công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất X mặt tiền đường V...*” mà Công ty V tham gia đấu giá và đã đấu giá trúng khu đất này là đúng các quy định của pháp luật. Sau khi nhận được các Thông báo của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, ngày 20/10/2017 Công ty V đã nộp số tiền 326.730.800.000 đồng (là số tiền phải nộp đợt 1 theo đúng Thông báo của cơ quan thuế) và ngày 09/02/2018 nộp số tiền 326.230.800.000 đồng (là số tiền phải nộp đợt 2 theo Thông báo của cơ quan thuế) và số tiền chậm nộp do nộp chậm 52 ngày là 5.089.200.480 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính, các tình tiết và sự kiện nêu trên không phải chứng minh.

[2] Ngày 16/11/2018, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND về việc “*Hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với Khu đất X mặt tiền đường V*”. Tại Quyết định số 5443/QĐ-UBND, UBND thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào Luật Tổ chức Chính quyền địa

phương ngày 19/6/2015, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Kết luận tại Báo cáo số 425/KTNN-TH, Thông báo số 426/TB-KTNN ngày 04/9/2018 của Kiểm toán Nhà nước và nội dung thỏa thuận, cam kết khi tham gia đấu giá của các bên để quyết định hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND với lý do: “không thực hiện theo đúng cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Phương án đấu giá tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng và Quy chế của cuộc bán đấu giá...”. Công ty V cho rằng, việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND là trái pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty nên đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5443/QĐ-UBND. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân thành phố thụ lý, xét xử và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V, hủy Quyết định số 5443/QĐ-UBND. Người bị kiện cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V là trái pháp luật nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

[3] Xét kháng cáo của UBND thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng pháp luật thì thấy:

[3.1] Tại thời điểm UBND thành phố Đà Nẵng triển khai việc tổ chức đấu giá khu đất X đường V thì việc đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể như sau:

[3.1.1] Tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016 quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản; đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản; xử lý vi phạm, hủy kết quả đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại; quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

3. Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá...

Điều 3. Áp dụng Luật đấu giá tài sản và quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản tại các luật khác

1. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về trình tự, thủ tục đấu giá của Luật này và quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này...

Điều 4. Tài sản đấu giá

1. Tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá, bao gồm:

c) Tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

Điều 72. Hủy kết quả đấu giá tài sản

Kết quả đấu giá tài sản bị hủy trong các trường hợp sau đây:

1. Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;”...

[3.1.2] Tại mục 3 chương VIII của Luật Đất đai năm 2013 (Điều 117 quy định về nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất; Điều 118 quy định về các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất, Điều 119 quy định về thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất); trong đó, tại khoản 2 Điều 117 quy định về nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất: “Việc đấu giá quyền sử dụng đất phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đấu giá tài sản”. Ngoài ra, tại điểm k khoản 1 Điều 169 của Luật này còn quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài... được nhận quyền sử dụng đất theo... văn bản công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật”.

[3.1.3] Tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/NĐ-CP) quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

2. Việc quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá đất; thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được thực hiện theo các Nghị định khác của Chính phủ.

Điều 68. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác:

...5. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất được quy định như sau:

... c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá;

d) Sau khi người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, cơ quan tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất; tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

[3.1.4] Tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy

định về thu tiền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/NĐ-CP) có quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thu tiền sử dụng đất trong trường hợp:

1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất...

Điều 2. Đối tượng thu tiền sử dụng đất

1. Người được Nhà nước giao đất để sử dụng vào các mục đích sau đây:

đ) Tổ chức kinh tế được giao đất để xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng, trong đó có diện tích nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê...

Điều 4. Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất

1. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thì tiền sử dụng đất được tính bằng diện tích đất có thu tiền sử dụng đất nhân (x) với giá đất trúng đấu giá của mục đích sử dụng đất đấu giá...

Điều 14. Trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất

4. Thời hạn nộp tiền sử dụng đất:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan thuế, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo Thông báo.

b) Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo.

c) Quá thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế trừ trường hợp có đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất đối với những trường hợp được ghi nợ.

5. Trường hợp căn cứ tính tiền sử dụng đất có thay đổi thì cơ quan thuế phải xác định lại tiền sử dụng đất phải nộp, thông báo cho người có nghĩa vụ thực hiện...

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan và người sử dụng đất trong việc xác định và tổ chức thu tiền sử dụng đất

3. Cơ quan thuế:

a) Xác định số tiền sử dụng đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được miễn hoặc giảm theo quy định tại Nghị định này và thông báo cho người sử dụng đất đúng thời hạn.

b) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giải đáp thắc mắc, giải quyết khiếu nại về thu, nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Người sử dụng đất:

a) Thực hiện việc kê khai tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

c) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 18. Xử lý chậm nộp

Trường hợp chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước thì người sử dụng đất phải nộp tiền chậm nộp. Việc xác định tiền chậm nộp tiền sử dụng đất thực hiện theo mức quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

[3.1.5] Tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/NĐ-CP) có quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong trường hợp:

1. Nhà nước cho thuê đất, gồm đất trên bề mặt và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất theo quy định của Luật Đất đai...

Điều 2. Đối tượng thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trong các trường hợp sau đây:

... g) Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở để cho thuê...

Điều 24. Thu, nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước

... 2. Việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định như sau:

a) Cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước đến người thuê đất, thuê mặt nước; đồng thời gửi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường.

b) Người thuê đất, thuê mặt nước phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo đúng quy định tại thông báo của cơ quan thuế...

4. Trường hợp nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước một lần cho cả thời gian thuê

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan thuế, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo Thông báo.

b) Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước còn lại theo Thông báo.

c) Quá thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, người được Nhà nước cho thuê đất chưa nộp đủ tiền thuê đất theo Thông báo của cơ quan thuế thì

phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế”.

[3.1.6] Tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT) căn cứ vào Luật Đất đai, Luật Quản lý thuế và các Nghị định số 43/NĐ-CP, số 45/NĐ-CP, số 46/NĐ-CP cùng ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định:

“Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ để xác định, thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai và các Khoản thuế, phí, lệ phí khác liên quan đến sử dụng đất đai của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 5. Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp được giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá

1. *Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 01/LCHS quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính)...*

3. *Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao)...*

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thuế

3. *Xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo các Mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo các Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và quy định của pháp luật về quản lý thuế. Thông báo đơn giá thuê đất theo Mẫu số 02/LCHS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.*

Điều 15. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp được giao đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thông qua hình thức đấu giá

3. *Cơ quan thuế xác định số tiền trúng đấu giá và các Khoản nghĩa vụ tài chính khác phải nộp để thông báo cho người trúng đấu giá, Văn phòng đăng ký đất đai và Kho bạc nhà nước...*

4. *Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền tại Kho bạc nhà nước (hoặc cơ quan được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) theo đúng thời hạn tại Thông báo do cơ quan thuế ban hành.*

Trường hợp nộp chậm so với thời hạn quy định tại Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế...”.

[3.1.7] Tại đoạn cuối khoản 3 Điều 1 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng” (sau đây viết tắt là Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND) có quy định: “Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất có trách nhiệm nộp tiền theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế. Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan Thuế), tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố”.

Căn cứ vào quy định tại Điều 6 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND, UBND thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng với nội dung như trên là chưa đầy đủ, dẫn đến nội dung quy định có mâu thuẫn với quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành các Nghị định này như đã trích dẫn nêu trên; chưa tuân thủ đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật”, đồng thời vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bởi vì, tại các văn bản pháp luật này đều quy định trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất thì phải chịu chế tài nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế; không có quy định chế tài phải chịu hủy kết quả đấu giá, là chế tài nặng hơn so với chế tài nộp tiền chậm nộp. Tuy nhiên, Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng nêu trên đã được xác định hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực” và đã được UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 công bố hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017 do “Căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành Quyết định này đã hết hiệu lực thi hành”. Do đó, Hội đồng xét xử không thực hiện việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định này xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại các Điều 6, 111, 112, 113, 114 của Luật Tổ tụng hành chính mà áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn để giải quyết vụ án.

[3.2] Trên cơ sở hệ thống các quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, chậm nộp tiền trúng đấu giá thì pháp luật đã có quy định rất đầy đủ, cụ thể, chi tiết và đồng bộ tại các văn bản quy phạm pháp luật, không có sự xung đột hoặc không có quy định.

Cụ thể là:

Đối với trình tự, thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thì phải thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Luật Đất đai năm 2013 (từ Điều 117 đến Điều 119), Điều 68 Nghị định số 43/NĐ-CP (thuộc Chương VII: Trình tự, thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai - Mục 2: Trình tự, thủ tục thu hồi đất, trưng dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất) và các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Đối với việc thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thông qua hình thức đấu giá thì phải được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 45/NĐ-CP, Nghị định số 46/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT và hướng dẫn tại Thông tư số 76/2014/TT-BTC, Thông tư số 77/2014/TT-BTC cùng ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp người trúng đấu giá thực hiện nộp đủ số tiền phải nộp theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật này và các văn bản pháp luật có liên quan (nếu nộp chậm so với thời hạn quy định tại Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế) thì được Nhà nước cấp GCNQSD đất và giao đất theo quy định tại đoạn 1 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; trường hợp “người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu”, có nghĩa là người trúng đấu giá cố tình dấy dưa không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên (nếu nộp chậm so với thời hạn quy định tại Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp tiền chậm nộp, không nộp đủ số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế) thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá theo quy định tại đoạn 2 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, trường hợp người trúng đấu giá có thỏa thuận với người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà không gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thì kết quả đấu giá tài sản sẽ bị hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Đất đai năm 2016.

[3.3] Đối chiếu các quy định của pháp luật nêu trên với trường hợp Công ty V thì thấy:

Ngày 28/7/2017, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 4105/QĐ-UBND công nhận Công ty V đã đấu giá trúng khu đất X đường V; ngày 15/9/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đà Nẵng ban hành Phiếu chuyển thông tin địa chính đến Cục Thuế thành phố Đà Nẵng để xác định nghĩa vụ tài chính; ngày 21/9/2017, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành các Thông báo số 3224/TB-CT về nộp tiền thuê đất, Thông báo số 5548/TB-CT về nộp tiền sử dụng đất là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật. Theo các văn bản này thì trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì sẽ bị

xử lý chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế là đúng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14, điểm c khoản 5 Điều 17, Điều 18 Nghị định số 45/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 46/NĐ-CP và khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT (được trích dẫn tại mục [3.1] nêu trên).

Đối với Thông báo số 3545/TB-CT và Thông báo số 3546/TB-CT cùng ngày 12/10/2017 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh nội dung Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp tiền thuê đất, với nội dung điều chỉnh lại là: “... *Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế mà người sử dụng đất không nộp đủ tiền sử dụng đất vào Ngân sách nhà nước (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan Thuế) thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng*”. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các Thông báo này không có nội dung căn cứ pháp lý để điều chỉnh và nội dung điều chỉnh tại các Thông báo thuế này căn cứ vào Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND, trong khi theo nhận định tại tiểu mục [3.1.7] thì Quyết định này chưa tuân thủ đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017. Do đó, căn cứ Điều 152, 154, 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung điều chỉnh tại các Thông báo này không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành nên không đủ cơ sở pháp lý bắt buộc Công ty V phải thực hiện.

Thực hiện các Thông báo của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, ngày 20/10/2017 Công ty V đã nộp số tiền 326.730.800.000 đồng (là số tiền phải nộp đợt 1) theo đúng Thông báo của cơ quan thuế.

Đối với số tiền phải nộp đợt 2, ngày 22/11/2017 Công ty V có Văn bản số 2211/2017/VPC-CV gửi đến UBND thành phố Đà Nẵng và các đơn vị liên quan trình bày lý do Công ty đang gặp khó khăn do các đối tác đem lại và cuối năm tài chính nên xin gia hạn nộp tiền sử dụng đất đợt 2 trong vòng 90 ngày kể từ ngày đến hạn nộp (19/12/2017). Ngày 19/12/2017, UBND thành phố Đà Nẵng có Công văn số 10270/UBND-KT trả lời cho Công ty V sẽ xin ý kiến của Bộ Tài chính về việc Công ty V xin gia hạn nộp tiền đợt 2 và chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định. Ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính có Văn bản số 1712/BTC-TCT trả lời cho UBND thành phố Đà Nẵng với nội dung: UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 để chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc xem xét theo quy định nêu trên và đúng thẩm quyền. Cùng ngày 09/02/2018, Công ty V đã nộp đủ số tiền phải nộp đợt 2 là 326.230.800.000 đồng và số tiền chậm nộp 52 ngày là 5.089.200.480 đồng.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật tại mục [3.1] và phân tích tại mục [3.2] nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Công ty V đã thực hiện nộp đủ, đúng thời hạn số tiền đợt 1 theo Thông báo của cơ quan thuế; đối với số tiền

phải nộp đợt 2, Công ty V đã nộp đủ số tiền phải nộp đợt 2 và số tiền chậm nộp vào ngày 09/02/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đúng với yêu cầu của cơ quan thuế tại các Thông báo số 3224/TB-CT, số 5548/TB-CT cùng ngày 21/9/2017 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (đã được xác định ban hành đúng pháp luật).

Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã căn cứ vào các quy định tại Nghị định số 45/NĐ-CP; Nghị định số 46/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT để xác định Công ty V đã nộp đủ tiền sử dụng đất theo các Thông báo số 3224/TB-CT, số 5548/TB-CT cùng ngày 21/9/2017 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (là các Thông báo phù hợp với mẫu tương ứng được ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BTC và Thông tư số 77/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) là đúng pháp luật.

Như vậy, nội dung kháng cáo của UBND thành phố Đà Nẵng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/NĐ-CP xác định người trúng đấu giá “không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu” để bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V là có sự nhầm lẫn, chưa căn cứ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của UBND thành phố Đà Nẵng và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo về nội dung Công ty V không thực hiện đúng cam kết tại Phiếu đăng ký đấu giá, Phương án đấu giá, Quy chế của cuộc bán đấu giá và Biên bản bán đấu giá tài sản, thuộc trường hợp hủy kết quả đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản thì thấy:

[4.1] Tại Phương án đấu giá được ban hành kèm theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng, tiểu mục 3, mục III có nội dung: *"Nộp tiền trúng đấu giá: Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá QSDĐ có trách nhiệm nộp tiền đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế. Quá thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế..., tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố"*. Trong các căn cứ để ban hành Quyết định này có Nghị định số 45/NĐ-CP, Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng; trong khi Nghị định số 45/NĐ-CP không có quy định này nên nội dung tại Phương án đấu giá nêu trên là căn cứ vào nội dung tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND. Theo đó, nội dung hủy kết quả đấu giá tại Quy chế của cuộc đấu giá và các cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá của Công ty V ngày 27/6/2017, Biên bản đấu giá tài sản ngày 27/6/2017 cũng phải tuân theo nội dung nêu trên tại Phương án đấu giá. Tuy nhiên, trên cơ sở nhận định tại tiểu mục [3.1.7] nêu trên thì Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND chưa tuân thủ đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017 nên nội dung mà phía người bị kiện cho là Công ty VIPICP có “thỏa thuận” về việc hủy kết quả đấu giá để ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định công nhận kết quả đấu giá số 4105/QĐ-UBND là không bảo đảm cơ sở pháp lý, trái với quy định của pháp luật hiện hành.

[4.2] Tại Điều 2 Luật Đấu giá tài sản quy định đối tượng áp dụng Luật này đã phân định rõ “người tham gia đấu giá” và “người trúng đấu giá” là hai chủ thể khác nhau; trong khi nội dung tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản là quy định về sự thỏa thuận đối với “người trúng đấu giá”. Khi Công ty V tham gia đấu giá, về nguyên tắc thì “người tham gia đấu giá” phải thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung tại Phương án đấu giá, Quy chế đấu giá do UBND thành phố Đà Nẵng, tổ chức đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản ban hành; đồng thời đã rất tự tin vào nguồn lực tài chính của mình tại thời điểm tham gia đấu giá nên đã cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Biên bản đấu giá tài sản là nộp đủ tiền đúng hạn. Tuy nhiên, kể từ thời điểm UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc công nhận kết quả đấu giá thì Công ty V được công nhận là “người trúng đấu giá” và kể từ thời điểm đó đến nay Công ty V không có bất kỳ một thỏa thuận, cam kết nào về việc hủy kết quả đấu giá. Ngược lại, Công ty V luôn thể hiện ý chí sớm hoàn thành các thủ tục để được giao đất thực hiện dự án như đã nộp đủ tiền đợt 1 đúng quy định; đối với số tiền phải nộp đợt 2, do Cục Thuế thành phố Đà Nẵng có Thông báo thay đổi số 3545/TB-CT và Thông báo số 3546/TB-CT cùng ngày 12/10/2017 về việc điều chỉnh nội dung Thông báo nộp tiền sử dụng đất (theo phân tích tại mục [3.3] nêu trên đã được xác định là không đủ cơ sở pháp lý) mặc dù cũng không phải là sự thỏa thuận, cam kết của Công ty V nhưng Công ty cũng đã có văn bản đề nghị UBND thành phố, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng xin gia hạn 90 ngày so với Thông báo của cơ quan thuế. Tuy nhiên, các cơ quan này một mặt vừa có văn bản yêu cầu Công ty V phải nộp tiền đúng hạn, một mặt lại vừa hứa hẹn có văn bản xin ý kiến của các cơ quan Trung ương và đến ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính có Văn bản số 1712/BTC-TCT trả lời cho UBND thành phố Đà Nẵng thì Công ty V đã lập tức nộp đủ số tiền phải nộp đợt 2 cùng với số tiền chậm nộp. Mặt khác, theo trình bày của Công ty V thì sau khi hoàn thành việc nộp chậm số tiền đợt 2 và nộp đủ số tiền chậm nộp, Công ty V cũng đã tiến hành thỏa thuận xong với Cục Tác chiến về độ tĩnh không; hoàn thành thiết kế dự án; đàm phán, hoàn tất với nhà thầu thi công... thể hiện ý chí sớm được UBND thành phố Đà Nẵng hoàn tất các thủ tục giao đất cho Công ty để thực hiện dự án.

[4.3] Như vậy, nội dung phía người kháng cáo cho rằng Công ty V đã có thỏa thuận, cam kết về việc hủy kết quả đấu giá tại các văn bản nêu trên; thuộc trường hợp hủy kết quả đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản với các căn cứ nêu trên là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét nội dung kháng cáo về việc UBND thành phố bắt buộc phải thực hiện kết luận tại Báo cáo kiểm toán ngân sách thành phố Đà Nẵng năm 2017 thì thấy:

[5.1] Tại Báo cáo kiểm toán được ban hành theo Văn bản số 425/KTNN-TH ngày 04/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước cho rằng: “Công ty đã trúng đấu giá khu đất ký hiệu X,... chậm nộp 326.230,8 triệu đồng tiền sử dụng đất, thuê đất qua đấu giá 52 ngày so với thông báo của cơ quan Thuế nhưng thành phố chưa hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền đặt cọc nộp ngân sách thành phố theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND, Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố... và tại Điểm d, Khoản 5, Điều 68 Nghị

định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai”. Tuy nhiên, tại Báo cáo kiểm toán cũng đưa ra đánh giá sự bất cập về cơ chế chính sách quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ (tại thời điểm này UBND thành phố Đà Nẵng chưa ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 công bố Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND hết hiệu lực). Do đó, Kiểm toán nhà nước chỉ kiến nghị UBND thành phố Đà Nẵng: “*xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Công ty V trúng đấu giá nhưng không nộp tiền đúng hạn (chậm 52 ngày) theo thông báo của cơ quan thuế, báo cáo kết quả về Kiểm toán nhà nước*”. Tại Công văn số 1722/KTNN-TH ngày 26/11/2018, Kiểm toán Nhà nước đã xác nhận nội dung này và đề nghị Công ty V liên hệ với UBND thành phố Đà Nẵng để được xem xét, giải quyết theo quy định hiện hành.

[5.2] Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 19/7/2018 UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND công bố Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND đã được hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017. Lẽ ra khi nhận được Báo cáo kiểm toán thì UBND thành phố Đà Nẵng cần thực hiện việc kiến nghị xem xét lại nội dung nêu trên theo quy định tại khoản 5 Điều 56, khoản 2 Điều 69 của Luật Kiểm toán nhà nước; tuy nhiên, ngày 16/11/2018 UBND thành phố Đà Nẵng vẫn căn cứ vào kết luận tại Báo cáo kiểm toán nêu trên để làm một trong các căn cứ ban hành Quyết định số 5443/QĐ-UBND hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND là chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình khi ban hành văn bản hành chính.

[6] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo cho rằng, giá trị của khu đất X đường V hiện nay tăng rất nhiều so với thời điểm đấu giá, nếu không hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá sẽ gây thất thoát tài sản của Nhà nước hàng nghìn tỷ đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Giá trị khu đất X đường V hiện nay có biến động tăng lên là đúng. Tuy nhiên, Công ty V là đơn vị đã đấu giá trúng khu đất với giá cao nhất so với 05 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và cao hơn gần gấp đôi so với giá khởi điểm, làm lợi cho Nhà nước trên 200 tỷ đồng tại thời điểm đấu giá. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là chưa thực sự toàn diện, khách quan; mới chỉ nhìn nhận một chiều khi giá trị khu đất biến động tăng nhưng chưa xem xét trường hợp giá đất không có biến động hoặc biến động giảm và việc ban hành Quyết định hủy kết quả đấu giá nếu trái pháp luật thì gây ảnh hưởng, thiệt hại cho người trúng đấu giá như thế nào, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Sự việc Công ty V chậm nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất đợt 2 thuộc trường hợp phải áp dụng chế tài nộp tiền chậm nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế. Sự việc này cũng đã được Bộ Tài chính hướng dẫn tại Công văn số 1712/BTC-TCT ngày 09/02/2018; Bộ Tư pháp hướng dẫn tại Công văn số 532/QLXLVPHC&TDTHPL-THPL ngày 04/10/2018 và Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1466/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 17/8/2018 với nội dung Công ty V phải chịu nộp tiền chậm nộp do chậm nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND thành phố Đà Nẵng cấp

GCNQSD đất, ký hợp đồng thuê đất, tổ chức giao đất trên thực địa và giao giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng lại chỉ căn cứ vào quy định tại đoạn 2 điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Kết luận của Kiểm toán nhà nước; xác định Công ty V không thực hiện theo đúng cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Phương án đấu giá, Quy chế của cuộc đấu giá, Biên bản đấu giá tài sản để hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật, chưa có sự xem xét đầy đủ, toàn diện, tính liên quan của các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật phải giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đà Nẵng và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo tại Đơn trình bày đề ngày 23/12/2019, Bản luận cứ đề ngày 02/3/2020 cũng như đã phát biểu tại phiên tòa.

[8] Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn nhận thấy: Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định số 5443/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật; tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết vụ án cũng chưa thật đầy đủ nên chưa tuyên buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính đã bị hủy là có thiếu sót, chưa bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Xét thấy những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến kết quả việc giải quyết, xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm; đồng thời khắc phục bổ sung vào quyết định tại Bản án phúc thẩm để bảo đảm bản án của Tòa án được ban hành đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 117 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 1 và đoạn 1 điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 24 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về

thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ vào Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc: “Hủy Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với Khu đất X mặt tiền đường V, phường A, quận S”; buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với các nội dung tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc: “Công nhận kết quả đấu giá đối với khu đất X mặt tiền đường V, phường A, quận S” theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001620 ngày 16/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001954 ngày 24/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/3/2020.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền